TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 558/2026/DS-PT
Ngày: 16-6-2026
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Kim Châu

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 801/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 843/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn ADC

Trụ sở: số A P, phường T, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của giám đốc công ty: Ông Phan Phúc V; Địa chỉ: Số I N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1/ Bà Trần Thị M, sinh năm 1931.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bà Mai Ngọc H, sinh năm 1961.

3/ Anh Nguyễn Hoàng V1, sinh năm 1979.

4/ Anh Nguyễn Bằng G, sinh năm 1987.

5/ Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984.

6/ Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hoàng V1 và bà Mai Ngọc H: Bà Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1979, địa chỉ: A, tổ A ấp T, xã L, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2026).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Anh Nguyễn Công D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số A N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Anh Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo*: Bà Mai Ngọc H, anh Nguyễn Hoàng V1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 08/7/2023, ngày 27/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A, đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 2014 thực hiện chương trình cánh đồng mơ ước, Công ty trách nhiệm hữu hạn A (gọi tắt là Công ty TNHH A) cùng ông Nguyễn Văn Bé T1 có hợp tác cung ứng vật tư nông nghiệp để sản xuất nông nghiệp, cụ thể công ty Đ1 cho ông Tư sản X nông sản, số lượng tùy từng thời điểm, đến cuối vụ sản xuất ông T1 sẽ trả lại tiền vật tư cho công ty, có hợp đồng đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân ngày 13/10/2014, ông T1 là người ký hợp đồng, ông T1 trực tiếp nhận phân thuốc và thanh toán tiền, hợp đồng có giá trị từ ngày 13/10/2014 đến ngày 13/4/2016. Quá trình hợp tác trong vụ đông xuân năm 2015-2016 công ty đã cung cấp vật tư nông nghiệp theo yêu cầu ông T1 đối chiếu thông qua số chi tiết đơn vị mua để xác nhận số tiền vật tư nông nghiệp phải trả khi kết thúc vào ngày 31/3/2016 có ký xác nhận của ông Nguyễn Văn Bé T1 số tiền còn nợ là 283.854.265 đồng có hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo có chữ ký của ông Nguyễn Văn Bé T1 nhưng sau ngày 31/3/2016 ông T1 chỉ trả được 141.915.378 đồng còn nợ lại 141.938.887 đồng, công ty đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T1 chưa trả số tiền còn nợ

Do ông T1 cũng đã trả được phần số nợ nên đến năm 2023 công ty mới khởi kiện, khi làm thủ tục khởi kiện thì phát hiện ông T1 chết năm 2021 nhưng có để di sản là thửa đất số 346, tờ bản đồ số 11, loại đất ở và trồng cây lâu năm, diện tích 2.514,3m²; thửa 359, tờ bản đồ số 11, loại đất trồng lúa, diện tích 3.795,9m², cùng tọa lạc ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long) hiện do ông Nguyễn Văn Bé T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Mai Ngọc H đã làm thủ tục nhận thừa kế và đang quản lý, canh tác trực tiếp trên đất.

Nay nguyên đơn khởi kiện buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Bé T1 gồm bà Trần Thị M, bà Mai Ngọc H, anh Nguyễn Hoàng V1, anh Nguyễn Bằng G, chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Trọng N, anh Nguyễn Công D có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền 141.938.887 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Mai Ngọc H, anh Nguyễn Hoàng V1 có chị Lưu Thị Thủy T2 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào khoảng năm 2014, ông Nguyễn Văn Bé T1 (chồng bà Mai Ngọc H) đã chết năm 2021, có hợp

tác với Công ty trách nhiệm hữu hạn A cung ứng vật tư nông nghiệp nhằm sản xuất nông sản, ông T1 có ký hợp đồng, người chịu trách nhiệm nhận và thanh toán tiền là ông Nguyễn Văn Bé T1, cụ thể Công ty trách nhiệm hữu hạn A cung ứng vật tư nông nghiệp cho ông Nguyễn Văn Bé T1, người trực tiếp làm việc giao nhận hàng hóa, thanh toán tiền là ông Nguyễn Việt Đ nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn A, ông T1 chịu trách nhiệm nhận và phân phối vật tư, hai vụ lúa hè thu và thu đông năm 2015 trả tiền mặt vào cuối vụ, trả trực tiếp cho ông Nguyễn Việt Đ. Từ khi ký hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn A thì ông Đ là người trực tiếp đem thuốc xuống giao cho ông Bé T1, số lượng thuốc giao dư ông T1 bàn giao lại cho ông Đ có ký nhận.

Đến cuối năm 2015 ông Nguyễn Văn Bé T1 đã thực hiện trả tiền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A, ông Bé T1 trả tiền trực tiếp cho ông Nguyễn Việt Đ. Ông Nguyễn Văn Bé T1 không còn nợ khoản tiền nào của Công ty trách nhiệm hữu hạn A. Ông Nguyễn Văn Bé T1 giao cho anh Nguyễn Việt Đ để trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A tổng số tiền: 284.377.499 đồng, cụ thể:

- Ngày 26/01/2016 nhận 10.000.000 đồng;
- Ngày 29/01/2016 nhận 40.000.000 đồng;
- Ngày 17/01/2016 nhận 23.500.000 đồng;
- Ngày 02/02/2016 nhận 50.000.000 đồng;
- Ngày 03/02/2016 nhận 28.000.000 đồng;
- Ngày 16/02/2016 nhận 10.000.000 đồng;
- Ngày 22/02/2016 nhận 14.000.000 đồng;
- Ngày 23/02/2016 nhận 8.000.000 đồng;
- Ngày 29/01/2016 nhận 29.377.499 đồng;
- Ngày 08/3/2016 nhận 14.500.000 đồng;
- Ngày 22/4/2016 nhận 6.000.000 đồng;
- Ngày 29/5/2016 nhận 25.000.000 đồng;
- Ngày 16/6/2016 nhận 5.500.000 đồng;
- Ngày 20/6/2016 nhận 9.500.000 đồng;
- Ngày 11/7/2016 nhận 5.000.000 đồng;
- Ngày 04/8/2016 nhận 5.000.000 đồng;
- Ngày 27/9/2016 nhận 6.000.000 đồng.

Nay bà Mai Ngọc H, anh Nguyễn Hoàng V1 không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do ông Bé T1 không có nợ tiền vật tư đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn A. Bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện do vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện, đình chỉ trả đơn đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn A do không có quyền khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị M, Nguyễn Bằng G, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Công D trình bày: Thống nhất như ý kiến bà Mai Ngọc H, anh Nguyễn Hoàng V1, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; 165; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 155, 430, 434, 440; 613, 614, 615, 616, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Buộc bà Mai Ngọc H có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền 141.938.887 đồng trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Văn Bé T1 để lại.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, chi phí thẩm định, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2025 bà Mai Ngọc H kháng cáo yêu cầu hủy Bản án số 140/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long, đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Hồng N1 đề nghị Tòa phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng bà Trần Thị M chết trước khi xét xử sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm không đưa người thừa kế nghĩa vụ tố tụng của bà M tham gia tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Theo tờ tường trình của ông Bé T1 ông còn thiếu tiền mua bán vật tư của công ty A khoảng 81.000.000 đồng, ông T1 chết tài sản của ông tư bà H thừa kế nên bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền ông Bé T1 còn thiếu theo giấy tường trình của ông Bé T1. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định liên quan đến án phí, lệ phí:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Mai Ngọc H, ông Nguyễn Hoàng V1.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Vĩnh Long theo hướng buộc bà Mai Ngọc H có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại cho Công ty TNHH A số tiền 81.000.000 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Mai Ngọc H, ông Nguyễn Hoàng V1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bà Trần Thị M chết ngày 12/9/2025 trước khi xét xử sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm không đưa người thừa kế của bà M tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, trong vụ án án này sau khi ông Bé T1 mất. Năm 2022, bà Mai Ngọc H làm thủ tục nhận thừa kế tài sản của ông Bé T1 xong. Vụ án này Tòa án thụ lý yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại. Cấp sơ thẩm cũng không buộc bà M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc đưa người tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Mai Ngọc H và anh Nguyễn Hoàng V1 không đồng ý trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền 141.938.887 đồng yêu cầu hủy án sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Ngày 13/01/2014 ông Nguyễn Văn Bé T1 có ký hợp số 58/ĐX1415 với công ty TNHH A hợp đồng có hiệu lực từ ngày 13/10/2014-13/4/2016. Theo hợp đồng trách nhiệm của ông Bé T1 nhận vật tư từ công ty giao cho nông dân và thu hồi tiền vật tư trả cho công ty theo thời gian quy định là 135 ngày kể từ xuất hóa đơn. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận mức lãi suất thưởng thanh toán trước hạn, phạt thanh toán trễ hạn mức lãi suất 1,1%/ tháng/số tiền thanh toán.

Từ ngày 01/10/0214- 31/3/2016 công ty TNHH A đã bán cho ông Nguyễn Văn Bé T1 19 lần bằng 781.406.376 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 5.720.180 đồng. Tổng cộng bằng 787.126.556 đồng. Đại diện Công ty A cho rằng năm 2015 ông Nguyễn Văn Bé T1 còn nợ lại 267.944.991 đồng và mua vật tư thêm đến ngày 31/3/2016 bằng 115.909.274 đồng đã trả 100.000.000 đồng còn nợ lại 283.854.256 đ, ông Bé T1 có ký tên sổ chi tiết mua bán còn nợ đến ngày 31/3/2016 bằng 283.854.256 đồng (BL số 38). Sau đó ông Bé T1 có trả 3 lần bằng 141.915.378 đồng, còn nợ lại 141.938.878 đồng. Do ông Bé T1 mất năm 2021 nên Công ty TNHH A yêu cầu người thừa kế thứ nhất của ông Bé T1 trả số tiền còn nợ lại.

Bà Mai Ngọc H là vợ của ông Bé T1 và các con ông Bé T1 cho rằng năm 2016 có trả cho ông Nguyễn Việt Đ số tiền bằng 284.377.499 đồng. Bên bị đơn có cung cấp biên nhận do anh Nguyễn Việt Đ ký tên nhận tiền từ (BL 374-376). Đại diện công ty TNHH A cũng thống nhất khi mua bán với ông Bé T1 do nhân viên của công ty là Nguyễn Việt Đ trực tiếp giao vật tư cho ông B T1 và nhận tiền về để nộp cho công ty. Công ty A khai năm 2016 anh Đ nộp khoản tiền ông Bé T1 trả 04 lần bằng 241.915.378 đ *(ngày 4/02/2016 số tiền 100.000.000 đ; ngày 23/12/2026 số tiền 84.800.000 đ, ngày 05/01/2017 số tiền 35.200.000 đ, ngày 12/01/2017 số tiền 21.915.378 đ).* Chứng cứ bên bị đơn nộp trong năm 2016 anh

Đ nhận của ông Bé T1 16 lần từ 26/01/2016- 27/9/2016 bằng 284.377.499 đ. Anh Đ mới nộp về công ty 241.915.378 đ còn giữ lại tiền 42.462.121 đ không nộp cho công ty.

[4] Anh Nguyễn Việt Đ là nhân viên của công ty TNHH A hiện nay đã nghỉ việc tại công ty, Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Tại kết quả giám định số 456/KL-KTHS-KV1 ngày 27/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận chữ viết Đ trên tài liệu giám định là Biên nhận tiền từ bút lục số 374-376 chữ viết họ và tên Nguyễn Việt Đ và với chữ ký của anh Nguyễn Việt Đ trong biên bản đối chất giữa anh Nguyễn Việt Đ với anh Trần Văn D1 trong vụ án khác là cùng một người viết ra nên có cơ sở xác định anh Đ có nhận tiền của ông Bé T1 trong năm 2016 nhưng không nộp đủ về công ty như nhận định trên.

[5] Theo kết quả giám định số 456/KL-KTHS-KV1 ngày 27/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh V chữ ký tên Nguyễn Văn Bé T1 trên các tài liệu do công ty A cung cấp Hợp đồng số 58/ĐX ngày 13/10/2014, sổ chi tiết đơn vị mua từ ngày 01/01/2016-01/3/2026 với các tài liệu mẫu so sánh chữ ký của ông Nguyễn Văn Bé T1 là do một người ký ra. Như vậy, đến ngày 31/3/2016 ông Bé T1 còn thiếu Công ty TNHH A 283.854.256 đ. Ông Bé T1 trả được 141.915.378 đ còn nợ lại số tiền 141.938.878 đ, trừ 42.462.121đ anh Đ chưa nộp, còn lại 99.476.757đ, ông Bé T1 chết nên người thừa kế tài sản của ông Bé T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty A.

[6] Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V từ BL 115-142 thể hiện năm 2012 ông Nguyễn Văn Bé T1 và bà Mai Ngọc H được cấp quyền sử dụng đất thửa số 346 diện tích 2.514,3m^2, thửa 359 diện tích 3.795,9m^2. Ngày 09/02/2022 bà Mai Ngọc H làm thủ tục nhận thừa kế hai thửa đất trên và được Sở T3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M1 Ngọc Hoàng ngày 28/02/2022 nên bà Mai Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH A số tiền còn thiếu 99.476.757đ.

[7] Đối với số tiền 42.462.121đ anh Nguyễn Việt Đ thu của ông Bé T1 chưa nộp cho Công ty TNHH A quyền kiện anh Đ một vụ kiện khác.

[8] Đối với ý kiến của bà Mai Ngọc H, Nguyễn Hoàng V1 cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết là không có cơ sở chấp nhận. Ông Nguyễn Văn Bé T1 chết ngày 08/12/2021, ngày 11/7/2023 Công ty TNHH A khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Hồng N1 đại diện cho bà Mai Ngọc H và anh Nguyễn Hoàng V1 đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không cần thiết, di sản của ông Bé T1, các thừa kế đã lập văn bản giao bà Mai Ngọc H thừa hưởng nên bà H phải thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản do do ông Bé T1 để lại.

[9] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Căn cứ tờ tường trình ngày 03/9/2020 ông Bé T1 thừa nhận còn nợ Công ty TNHH A hơn 81.000.000 đ nên buộc người thừa kế của ông T1 trả số tiền này. Tờ cam kết của ông T1 bên bị đơn không thừa nhận. Mặt khác tờ cam kết này không có xác nhận của Công ty TNHH A, Sổ chi tiết đơn vị mua (BL37) có ghi rõ số tiền nên căn cứ sổ chi tiết này để tính số tiền còn nợ, do đó chỉ có căn cứ chấp nhận một phần đề

nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát giảm lại số tiền buộc bà H phải trả cho công ty TNHH A.

[10] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà Mai Ngọc H, ANH Nguyễn Hoàng V1 được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[11] Về chi phí giám định chữ ký: Bà Mai Ngọc H phải chịu 8.523.960đ. Bà H nộp tạm ứng xong nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 615 Bộ Luật dân sự

Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Mai Ngọc H và anh Nguyễn Hoàng V1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 140/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

2. Buộc bà Mai Ngọc H có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại, trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền 99.476.757 đồng *(Chín mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn bảy năm bảy đồng)* trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Văn Bé T1 để lại mà bà H đang được hưởng thừa kế.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải chịu 2.123.000 đ. Công ty trách nhiệm hữu hạn A đã nộp 3.548.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010807 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn nên cấn trừ còn lại 1.425.000 đ hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Mai Ngọc H.

Án phí phúc thẩm: Hoàn trả 300.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006860 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long cho anh Nguyễn Hoàng V1.

4. Về chi phí giám định chữ ký: Bà Mai Ngọc H phải chịu 8.523.960đ. bà H nộp tạm ứng xong nên không phải nộp tiếp.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị sửa tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 4- Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 4 - Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung